

Name: _____

Date: ... / ... /20...

Class: S2

Tel: 034 200 9294

GLOBAL ENGLISH 2

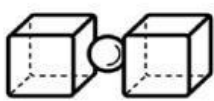
Unit 6: All about bugs – Vocabulary 1

❖ **Lưu ý:** Với các từ vựng mở rộng thầy cô có cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé

A. Vocabulary.

No	Word	Meaning	No	Word	Meaning
1	butterfly (n)	con bướm	6	spider (n)	con nhện
2	bee (n)	con ong	7	web (n)	mạng nhện
3	cricket (n)	dế mèn	8	antenna (n)	râu (của côn trùng)
4	ant (n)	con kiến	9	wing (n)	cánh
5	worm (n)	con giun	10	insect (n)	côn trùng

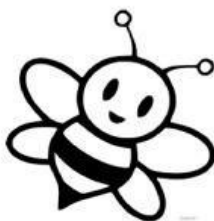
*Prepositions of location (Giới từ chỉ vị trí)

 above ở phía trên (không tiếp xúc)	 between ở giữa	 in front of ở phía trước	 behind ở đằng sau	 on ở trên
---	---	---	--	--

n = noun: danh từ

B. Homework.

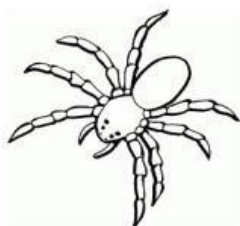
I. Fill in the blanks. There is one example.

0. worm

1. b _ _ e



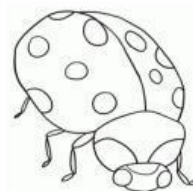
2. w _ _ n g



3. sp _ _ der



4. b _ _ tterfly



5. in _ _ ect

II. Choose the correct answer. There is one example.

0. The ball is on the box.



1. The house is **behind** / **between** the trees.



2. The bees are **above** / **on** the flowers.



3. The cat is **in front of** / **between** the mirror (gương).



4. The rabbit is **on** / **behind** the flower.



III. Match words with pictures. There is one example.



0. antenna

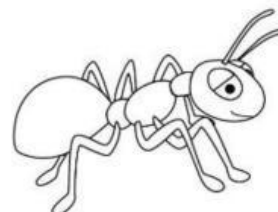
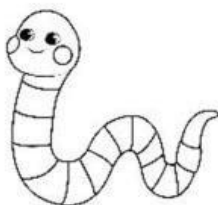
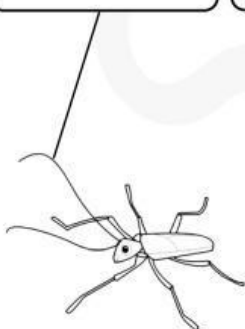
1. web

2. cricket

3. ant

4. worm

5. bee



Lưu ý: Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ. Các con gạch chân các từ khóa chính trong bài đọc

Look at the pictures and read the story. Write some words to complete the sentences about the story. You can use 1, 2 or 3 words.

Where's our car?



Dad and Zoe live in the city. Last Saturday, they drove into the big car park under the shopping centre. Then they walked to the sports shop. Zoe needed a new swimsuit and she found one that was really pretty. Dad bought a new tennis racket there, too.

Then they had lunch in a nice café.

Examples

Zoe and her father's home is in thecity.....

Zoe and Dad went to theshopping centre..... by car.

Questions

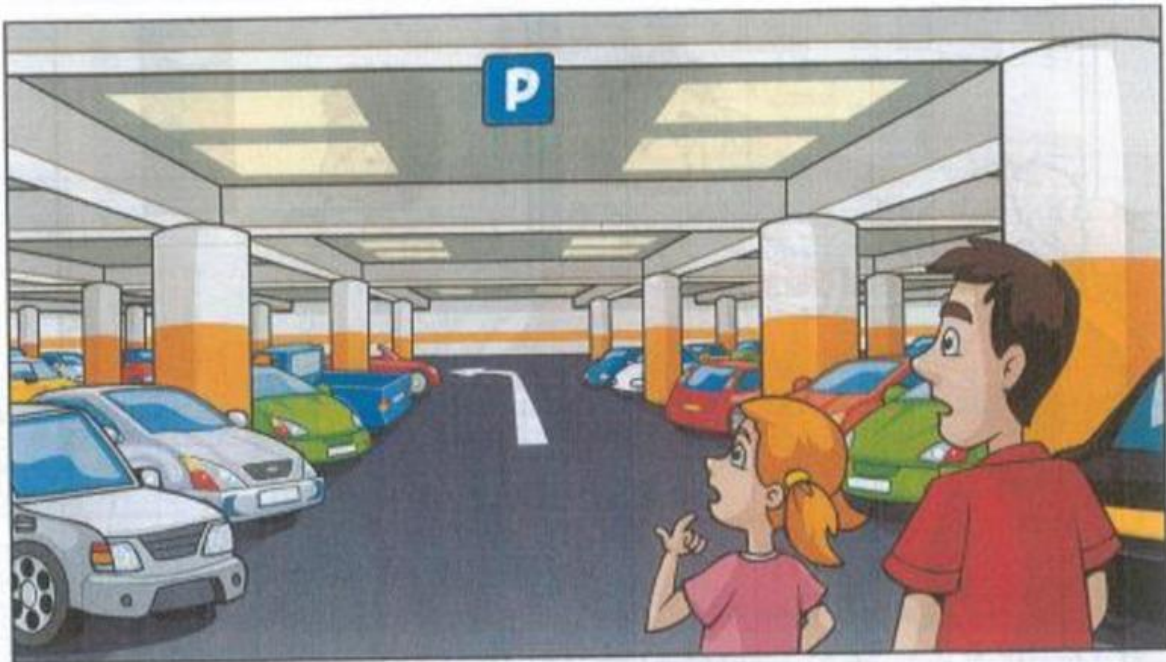
- 1 Zoe found a pretty in the sports shop.
- 2 They went to a for their lunch.



They had pasta with tomato sauce. Then they bought lots of vegetables from the supermarket, and got some new books from the library. They walked around the pet shop, too. When Zoe smiled at a blue parrot, it said 'Hello!' to her.

At the end of the day, they had lots of bags to carry back to the car park.

- 3 Zoe had some with her pasta.
- 4 After they went to the supermarket and the, Zoe and Dad went into a pet shop.
- 5 Zoe and Dad had to carry back to the car park.



'Where's our car?' Zoe asked.

'I don't know!' said Dad. 'There are hundreds and hundreds of cars here now!'

Zoe and Dad walked up and down the car park but they couldn't find it.

'Look! There's the blue parrot again! It's on the top of one of the cars!' Zoe said.

'That's OUR car. Hooray!' Dad answered. 'What a clever parrot!'

'Happy to help!' said the parrot and then it flew off.

'Did the parrot really say that?' Mum asked when they got home.

'Yes!' Zoe laughed.

6 Zoe and Dad their car because there were lots of cars in the car park.

7 The was on the roof of Dad's car and said 'Happy to help!' when they found it!

I. Fill in the blanks.



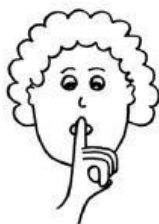
0. *w i d e*



1. *s t r _ _ n g*



2. *l o _ _ d*



3. *q u _ _ e t*



4. *f o o t s _ _ e p s*



5. *m e a s _ _ r e*

II. Circle the correct answer.

0. That is a _____.

☒ A. *big brown bear*

B. *brown big bear*

1. Harry wants to buy _____ hat.

A. *a red small*

B. *a small red*

2. My sister has _____ skirts.

A. *six purple*

B. *purple six*

3. She can eat _____.

A. *five pears big*

B. *five big pears*

4. There is _____ book in his room.

A. *a small brown*

B. *a brown small*

*Lưu ý: Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở **1 dòng**.